

Bản án số: 23/2022/HS-ST
Ngày 25-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Thương
2. Ông Nguyễn Anh Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 298/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Bùi Như T, sinh năm 1982 tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 78B L, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Như V (đã chết); con bà Đào Thị G (đã chết); có 04 anh chị em, bị cáo là con út;

Tiền án: Ngày 15-3-2017, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 32 (ba mươi hai) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 45/2017/HSST.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 11-9-2008, Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 268/2008/HSST.

+ Ngày 25-12-2014, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 01 (một) năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 272/2014/HSST.

+ Ngày 10-7-2016, Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 57/QĐ- XPHC.

Bị bắt: 09-7-2021, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 240/2/27 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2021, ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1982, địa chỉ 240/2/27 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để một xe gắn máy, nhãn hiệu Halim, số khung BAUMHAV02157; số máy 9FMB18002157, biển số 72AD - 024.40 tại khu vực sân trước nhà rồi đóng cửa cổng để đi ngủ. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30-6-2021, Bùi Như T đi ngang qua nhà ông Nguyễn Đình K, thì phát hiện cửa cổng nhà không khoá kỹ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đã dùng dây kẽm bằng kim loại buộc cửa chính lại để ngăn cản người trong nhà đi ra nếu bị phát hiện đang trộm cắp tài sản. Sau đó, T lén lút dắt xe gắn máy biển số: 72AD - 024.40 ra dựng ở ngoài đường và quay trở lại khép cửa cổng nhà, rồi điều khiển xe vừa trộm cắp đi ra đường 2/9, theo hướng lên Thành phố Hồ Chí Minh. Đến Ngã Tư A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, T đã bán xe này cho một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền này T đã sử dụng để tiêu xài vào mục đích cá nhân. Đến ngày 09-7-2021, công an phường T phát hiện ra Bùi Như T và tiến hành bắt giữ bị cáo vào ngày 09-7-2021.

Theo Kết luận định giá trị tài sản số 122/KL-HĐĐG-TTHS ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố V xác định: 1 (một) xe mô tô hiệu Halim biển số 72AD - 024.40 có giá trị là: 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Bùi Như T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Đối với người đàn ông tên T đã mua tài sản của Bùi Như T, do không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố V thu giữ 01 clip trích xuất được dữ liệu điện tử từ camera tại nhà số 240/2/21A N, phường T, ghi nhận được một phần quá trình bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Halim biển số 72AD - 024.40, hiệu HALIM, màu sơn đen, số máy 9FMB18002157, số khung BAUMHAV02157, qua điều tra xác minh do bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đứng tên chủ sở hữu. Bà Lê Thị Kim L khai: Năm 2018, bà mua chiếc xe trên và được đứng tên chủ sở hữu. Tháng 8 năm 2018, bà đưa chiếc xe cho người đàn ông tên T không rõ lai lịch mượn. Sau đó thì bà không biết thông tin gì về chiếc xe này. Bà không yêu cầu xem xét gì đối với chiếc xe máy này. Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1982, địa chỉ: 240/2/27 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu khai: Tháng 10 năm 2019, ông đã mua lại

chiếc xe trên của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 6.400.000đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố V đã thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe máy trên báo Bà Rịa- Vũng Tàu tuy nhiên chưa truy tìm được.

-Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đình K yêu cầu bồi thường số tiền 6.400.000đồng.

Tại Bản cáo trạng số 300/CT-VKSTPVT ngày 29-10-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Bùi Như T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Như T từ 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đình K vắng mặt nhưng có yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị chiếc xe máy là 6.400.000đồng. Tại Tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho ông K 3.500.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về Xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh một phần quá trình bị cáo T trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Đình K.

- Ý kiến của bị cáo T: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Trộm cắp tài sản” là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo không đồng ý về khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố và luận tội. Bị cáo xác nhận bị cáo chưa được xóa án tích đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HSST ngày 15-3-2017 nhưng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 272/2014/HSST ngày 25-12-2014 của Tòa án nhân dân thành phố V thì bị cáo đã được xóa án tích nên hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự,

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội đối với bị cáo. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Không chấp nhận ý kiến của bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận, ăn năn về những hành vi phạm tội mình đã làm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

- Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Đình K vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa không yêu cầu hoãn phiên tòa, việc vắng mặt của ông K và bà L không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại số nhà 240/2/27 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bùi Như T đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe gắn máy, nhãn hiệu Halim, số khung BAUMHAV02157; số máy 9FMB18002157, biển số 72AD - 024.40 trị giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Nguyễn Đình K.

Bị cáo có tiền án, chưa được xóa án tích, đã tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cho rằng bị cáo đã được xóa án tích đối với Bản án số 272/2014/HSST ngày 25-12-2014 của Tòa án nhân dân thành phố V nên hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà hành vi phạm tội của bị cáo thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2017/HSST ngày 15-3-2017 của Tòa án nhân dân thành phố V đã áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với tình tiết “Tái phạm” xử phạt bị cáo 32 (ba mươi hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy, bị cáo thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ý kiến của bị cáo là không có cơ sở, không có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bất an cho cộng đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã từng bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, tuyên mức

hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục riêng bị cáo, đồng thời đảm bảo răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Đình K vắng mặt nhưng yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị chiếc xe máy là 6.400.000đồng. Do chiếc xe máy sau khi chiếm đoạt được bị cáo đã bán, không thu hồi được, Hội đồng định giá chiếc xe máy này là 3.500.000đồng và bị cáo đồng ý bồi thường 3.500.000đồng. Nên chấp nhận và buộc bị cáo bồi thường cho ông K 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Kim L không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh một phần quá trình bị cáo T trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Đình K.

[8] Đối với người đàn ông tên T đã mua tài sản của Bùi Như T, do không rõ nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Như T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Như T **02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 7 năm 2021.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Đình K số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 (một) DVD ghi lại hình ảnh một phần quá trình bị cáo T trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Đình K.

4. Về Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo bản án nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06, PV10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.V;
- Công an Tp.V;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê